**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

*………, ngày….. tháng…. năm….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:…..

2. Mã số (nếu có): ….

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:….

4. Điện thoại …… Fax ……. Email ……

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập: …..

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị …… *(tên cơ quan có thẩm quyền)*….. cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại: ………

|  |  |
| --- | --- |
| **Hồ sơ gửi kèm:**---(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi | **Đại diện cơ sở***(Ký tên, đóng dấu)* |

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**

*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở thuộc chuỗi** | **Địa chỉ** | **Thời hạn GCN** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

*(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhóm sản phẩm** | **Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận** |
| **I** | **Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế** |
| 1 | Nước uống đóng chai |  |
| 2 | Nước khoáng thiên nhiên |  |
| 3 | Thực phẩm chức năng |  |
| 4 | Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng |  |
| 5 | Phụ gia thực phẩm |  |
| 6 | Hương liệu thực phẩm |  |
| 7 | Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm |  |
| 8 | Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm) |  |
| 9 | Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |
| **II** | **Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** |
| 1 | Ngũ cốc |  |
| 2 | Thịt và các sản phẩm từ thịt |  |
| 3 | Thuỷ sản và sản phẩm thuỷ sản (bao gồm các loài lưỡng cư) |  |
| 4 | Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả |  |
| 5 | Trứng và các sản phẩm từ trứng |  |
| 6 | Sữa tươi nguyên liệu |  |
| 7 | Mật ong và các sản phẩm từ mật ong |  |
| 8 | Thực phẩm biến đổi gen |  |
| 9 | Muối |  |
| 10 | Gia vị |  |
| 11 | Đường |  |
| 12 | Chè |  |
| 13 | Cà phê |  |
| 14 | Ca cao |  |
| 15 | Hạt tiêu |  |
| 16 | Điều |  |
| 17 | Nông sản thực phẩm khác |  |
| 18 | Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |  |
| **III** | **Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương** |
| 1 | Bia |  |
| 2 | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn |  |
| 3 | Nước giải khát |  |
| 4 | Sữa chế biến |  |
| 5 | Dầu thực vật |  |
| 6 | Bột, tinh bột |  |
| 7 | Bánh, mứt, kẹo |  |